

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2026/HS-ST
Ngày 25 - 8 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hà

Ông Phạm Hữu Quốc

Bà Lê Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân K, sinh ngày 10-6-1982 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: tổ dân phố 3 N (nay là Tổ dân phố 2), phường N, tỉnh Lâm Đồng; căn cước công dân 030082024767 ngày cấp 05-7-2021; nghề nghiệp: nguyên là viên chức; đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 56 ngày 20-11-2025 của Ủy ban kiểm tra Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H và bà Bùi Thị D; có vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05-11-2025, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo:

- Ông Nguyễn Văn H - Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thiên H - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- Ông Huỳnh Đ - Luật sư Văn phòng Luật sư H - Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

Các bị hại:

- Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1979; địa chỉ: số 83 N, xã Q, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1993; địa chỉ: bon Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- Ông Vũ Hải Đ, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn 3, xã T, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

- Ông Lăng Văn C, sinh năm 1992; địa chỉ: bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2007, Nguyễn Xuân K công tác tại Ban Quản lý rừng phòng hộ T, địa chỉ: bon Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng. Ngày 01-3-2025, Ban Quản lý rừng phòng hộ T sáp nhập vào Ban Quản lý rừng phòng hộ Vành đai B thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng, K được bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng ban. Thời gian công tác tại Ban Quản lý rừng phòng hộ T, K biết diện tích đất khoảng 05ha tại bon Đ, xã Q do TĐ và Đồn B quản lý. Do cần tiền nên K nảy sinh ý định bán thửa đất lấy tiền tiêu xài.

Ngày 24-02-2025, K điện thoại và dẫn ông Đoàn Văn N, bà Trương Thị B đi xem đất. K đưa ra thông tin gian dối thửa đất do K khai hoang, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không tranh chấp, không thuộc đất rừng và đất quốc phòng, bán giá 1.000.000.000 đồng (*trước đó K chuyển nhượng cho ông N, bà B 02 thửa đất khác*), ông N, bà B đồng ý mua, K viết giấy chuyển nhượng và yêu

cầu ông N đặt cọc 200.000.000 đồng. Tin tưởng K nên ông N chuyển 200.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của K và hẹn 15 ngày sau, K ký ranh giới đất, dọn dẹp cây, mức hố trồng cà phê, kéo điện, nước thì ông N thanh toán số tiền còn lại, bàn giao giấy bán đất cho ông N giữ. Hết thời hạn nhưng K không bàn giao đất nên viết giấy cam kết hẹn 15 ngày sau bàn giao đất, nếu không sẽ trả lại tiền đã nhận. Đến giữa tháng 3-2025, ông N bà B phát hiện thửa đất trên không phải của K, thuộc đất quốc phòng nên yêu cầu gấp nhưng K trốn tránh, không trả lại tiền, lấy nhiều lý do để trì hoãn chiếm đoạt số tiền đã nhận.

Ngày 08-5-2025, mặc dù thửa đất K bán cho ông N, bà B trước đó nhưng do thiếu tiền nên K bán tiếp thửa đất trên cho người khác. K liên hệ ông Vũ Hải Đ (*môi giới đất*) để nhờ bán. K dẫn ông Vũ Hải Đ đi xem đất và khẳng định đất thuộc sở hữu của K khai hoang. Khi đi xem đất, ông Vũ Hải Đ có ghim vị trí và chụp hình thửa đất để đăng bán.

Ngày 09-5-2025, ông Vũ Hải Đ liên hệ ông Lăng Văn C (*môi giới đất*) gửi thông tin thửa đất nhờ đăng bán trên mạng xã hội. Ông Trần Xuân Đ thông tin cho ông Nguyễn Hoàng A. Ông Trần Xuân Đ gọi điện cho ông C dẫn ông Hoàng A đi xem đất. Chiều cùng ngày, K gặp ông C, ông Trần Xuân Đ thì K khẳng định với ông Hoàng A về nguồn gốc thửa đất của K khai hoang, không phải đất rừng và đất quốc phòng. Tin tưởng thông tin do K đưa ra nên ông Hoàng A đồng ý mua, với giá 1.100.000.000 đồng. K viết giấy bán đất và yêu cầu Hoàng A đặt cọc 300.000.000 đồng. Do không mang đủ tiền nên ông Hoàng A đưa trước 150.000.000 đồng (*tiền mặt 130.000.000 đồng và chuyển 20.000.000 đồng vào tài khoản của K*). Sau khi nhận tiền, K đưa cho ông C 20.000.000 đồng (*tiền môi giới bán đất*).

Ngày 10-5-2025, ông Hoàng A phát hiện thửa đất 05ha mua của K đã bán cho ông Đoàn Văn N trước đó nên yêu cầu K trả lại tiền. K mời ông Hoàng A, ông Trần Xuân Đ vào phòng làm việc nói chuyện, K khẳng định thửa đất 05ha đã bán, là đất của K, do cần tiền trả cho ông N nên yêu cầu đặt cọc thêm tiền.

Ngày 13-5-2025, ông Hoàng A nói K đến nhà tại bon Đ, xã Q, dưới sự chứng kiến của ông Trần Xuân Đ, thì ông Hoàng A chuyển thêm 150.000.000 đồng vào tài khoản cho K, hai bên lập lại hợp đồng mua đất thể hiện số tiền K đã nhận 300.000.000 đồng, huỷ bỏ giấy cũ lập ngày 09-5-2025, hẹn 30 ngày K phải ký ranh giới, bàn giao đất và nhận đủ số tiền còn lại. Sau khi nhận tiền của ông Hoàng A, K không thực hiện như cam kết, không trả lại tiền cho vợ chồng ông N.

Ngày 25-5-2025, ông Hoàng A đến kiểm tra thì phát hiện thửa đất mua là đất quốc phòng, thuộc sở hữu của Đoàn B, biết là đất quốc phòng không thể mua bán nên ông Hoàng A nhiều lần yêu cầu gặp nhưng K trốn tránh, lấy nhiều lý do để tránh mặt, trì hoãn, không trả lại tiền.

Ngày 24-7-2025, vợ chồng ông N cùng ông Hoàng A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng trình báo và gửi đơn tố giác, K được triệu tập làm việc đã khai nhận sự việc. Tổng số tiền K đã nhận và chiếm đoạt của 02 bị hại là 500.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 518 ngày 10-9-2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng, kết luận: chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Xuân K trên tài liệu cần giám định (*Giấy đặt cọc bán đất đề ngày 24-02-2025 và ngày 13-5-2025 giữa Nguyễn Xuân K và Đoàn Văn N, Nguyễn Hoàng A*), so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân K là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 20-8-2025, Cơ quan điều tra tổ chức cho Nguyễn Xuân K, ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Hoàng A chỉ vị trí các thửa đất K bán cho các ông N và Hoàng A. Tiến hành lồng ghép bản đồ theo các toạ độ đo đạc tại thực địa xác định thửa đất K bán cho các ông N và Hoàng A, có diện tích 2,6ha đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đoàn B và 02 ha đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho TĐ.

Cáo trạng số 119/CT-VKSLDG-P2 ngày 22-7-2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Nguyễn Xuân K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Nguyễn Xuân K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng sau khi phân tích các tình tiết của vụ án giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân K từ 08 năm đến 09 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: các bị hại ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Hoàng A đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: đối với các hợp

đồng mua bán đất, tin nhắn, file ghi âm hội thoại, sao kê tài khoản ngân hàng là tài liệu đã được đóng dấu bút lục, tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác giải quyết vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ:

Luật sư Huỳnh Đ trình bày: Cáo trạng truy tố Nguyễn Xuân K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội và không oan. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi con nhỏ và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị. Đồng thời, đề nghị không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: Hành vi của Nguyễn Xuân K chưa thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đây chỉ là hợp đồng đặt cọc không phải hợp đồng mua bán đất vì trên thực tế giao dịch mua bán chưa xảy ra. Bị hại N giao số tiền cho bị cáo nhưng không thỏa thuận được nên bị cáo đã bán đất cho người khác và bị hại N đã đồng ý. Khi thỏa thuận thì bị cáo và bị hại N đã đi xem đất, trong đó có một phần lỗi của bị hại vì không tìm hiểu nguồn gốc đất. Cần xem xét diện tích đất của bị cáo đã chuyển nhượng có phải có nguồn gốc của người khác hay không để đánh giá. Nếu giao dịch ban đầu không đúng thì đương nhiên giao dịch sau cũng không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Bị hại Đoàn Văn N xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng ý với quan điểm luận cứ bào chữa và không bào chữa, tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của các bị hại: Xét thấy việc vắng mặt của bị hại Nguyễn Hoàng A không trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại Nguyễn Hoàng A.

[1.2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập, lưu trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các tình tiết, diễn biến khách quan của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Nguyễn Xuân K biết thừa đất diện tích khoảng 05ha tại bon Đ, xã Q, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền quản lý sử dụng của TĐ và Đồn B nhưng do cần tiền tiêu xài nên vào ngày 24-02-2025 K đưa ra thông tin gian dối thừa đất trên thuộc sở hữu của mình khai hoang nên bán cho ông Đoàn Văn N nhận số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi bán thừa đất cho ông N xong, ngày 09-5-2025 K tiếp tục bán thừa đất cho ông Nguyễn Hoàng A nhận số tiền 300.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt của 02 người là 500.000.000 đồng.

Do đó, hành vi của Nguyễn Xuân K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tính tiết tăng nặng định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên. ”

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là đảng viên và là người làm công tác quản lý, bảo vệ rừng nên nhận thức được việc đất không thuộc quyền quản lý, sử dụng của

mình nhưng cố tình đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại nên cần phải xử phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cũng như tính răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2]. Quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại; có nhiều thành tích xuất sắc trong quá trình công tác đã được tặng thưởng và cũng được Giám đốc Công an tỉnh Đắk Nông (cũ) tặng Giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2021; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, ông ngoại Bùi Hữu T và bác Nguyễn Thanh Ch, Nguyễn Đình H là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

[5]. Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, luận cứ bào chữa của Luật sư có căn cứ nên cần xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại ông Đoàn Văn N và ông Nguyễn Hoàng A đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường thêm nên không xem xét, giải quyết.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với các hợp đồng mua bán đất, tin nhắn, file ghi âm hội thoại, sao kê tài khoản ngân hàng là tài liệu đã được đóng dấu bút lục, tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác giải quyết vụ án.

[8]. Về án phí: Buộc Nguyễn Xuân K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với Lãng Văn C đã nhận của K 20.000.000 đồng, đây là tiền môi giới do K chi trả. Sau khi nhận được tiền thì C có chia cho Vũ Hải Đ và Trần Xuân Đ một phần tiền môi giới. Kết quả điều tra xác định C, Vũ Hải Đ và Trần Xuân Đ không đồng phạm với K trong vụ án nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với 02 thửa đất trước đó Nguyễn Xuân K đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đoàn Văn N vào ngày 13-02-2025 gồm: thửa đất thứ nhất có diện tích 18x60m; thửa đất thứ 2 có diện tích 02 ha đều thuộc xã Q, tỉnh Lâm Đồng, đất đã bị người dân xâm canh lấn chiếm, chuyển nhượng qua lại cho nhiều người. Kết quả điều tra xác định: thửa đất thứ nhất là của K nhận chuyển nhượng của ông Điều T, trú tại bon B, xã Q vào năm 2016, với giá 80.000.000 đồng. Sau đó K chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông N, với giá 430.000.000 đồng. Thửa đất thứ 2, K nhận chuyển nhượng của ông Điều D, trú tại bon B, xã Q vào năm 2010, với giá 15.000.000 đồng. Sau đó chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông N, với giá 200.000.000 đồng. Sau khi chuyển nhượng thì xảy ra tranh chấp đất với các hộ dân liền kề. K đã trả lại toàn bộ tiền cho vợ chồng ông N nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Nguyễn Xuân K phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Xuân K 07 (*Bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (*ngày 05-11-2025*).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác giải quyết vụ án đối với các hợp đồng mua bán đất, tin nhắn, file ghi âm hội thoại, sao kê tài khoản ngân hàng là tài liệu đã được đóng dấu bút lục.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Xuân K phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và Điều 72 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQCSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- CQTHAHS Công an tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh